| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TT**<br>**TỈNH PT** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2020
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT TỈNH PT**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà **Phạm Thị Hồng**
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Nguyễn Thành Lâm**
Ông **Đỗ Minh Thân**

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Trọng Tấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh PT

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT tham gia phiên toà:*** Bà Hà Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đàm Thị T, sinh năm: 1992.
ĐKHKTT: Khu 13, xã V, huyện TT, tỉnh PT.
Chỗ ở: Khu 12, xã Đ, huyện TT, tỉnh PT.
(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)
- *Bị đơn:* Anh Lỗ Hữu Văn T1, sinh năm 1992;
ĐKHKTT: Khu 13, xã V, huyện TT, tỉnh PT. (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án – Nguyên đơn Chị Đàm Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lỗ Hữu Văn T1 ngày 01/3/2019, tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện TT, tỉnh PT (nay là xã V), việc kết hôn là tự nguyện. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong suy nghĩ và lối sống. Từ tháng 01 năm 2020, Chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị tại Khu 12, xã Đ để ở, và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lỗ Hữu Văn T1.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lỗ Thanh T2, sinh ngày 14/01/2019, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi

cháu T2 và yêu cầu anh Lỗ Hữu Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị T xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Bị đơn – Anh Lỗ Hữu Văn T1 có lời khai thể hiện:*

Anh kết hôn với chị Đàm Thị T ngày 01/3/2019, tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện TT, tỉnh PT (nay là xã V), việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn Chị T mang bầu đã được gia đình anh chăm sóc, vì lúc này anh đang ở bên nước Nhật. Sau khi Chị T sinh con thì anh về nước sống với Chị T được một thời gian thì Chị T tự dưng bỏ về nhà mẹ đẻ của Chị T để ở. Nay Chị T xin ly hôn anh không đồng ý, nhưng nếu Chị T kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh T1 xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lỗ Thanh T2, sinh ngày 14/01/2019, hiện đang ở với Chị T. Khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu T2 và không yêu cầu Chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại Công an, Ủy ban nhân dân và Hội liên hiệp phụ nữ xã V, xác định: Anh Lỗ Hữu Văn T1 và chị Đàm Thị T kết hôn với nhau ngày 01/3/2019 và Đăng ký tại UBND xã M, huyện TT, tỉnh PT (nay là xã V). Vợ chồng Anh T1 và Chị T đã có 01 con chung là cháu Lỗ Thanh T2, sinh ngày 14/01/2019. Anh T1, Chị T, cháu T2 đều đăng ký hộ khẩu tại: Khu 13, xã V, huyện TT, tỉnh PT (chung hộ khẩu trong hộ ông Lỗ Thành Chung là bố anh Lỗ Hữu Văn T1). Quá trình vợ chồng chung sống giữa Anh T1 và Chị T sau khi đăng ký kết hôn: Ban đầu thì hòa hợp nhưng sau đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện nay, Anh T1 và Chị T đã ly thân, Chị T đã đưa cháu Lỗ Thanh T2 bỏ về nhà bố mẹ đẻ của Chị T để ở tại: Khu 12, xã Đ, huyện TT, tỉnh PT. Quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa Chị T, Anh T1 theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em.

** Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thuỷ tại phiên tòa:*

*-Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.*

*- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Chị T, xử cho Chị T được ly hôn Anh T1; Về con chung: Giao cháu Lỗ Thanh T2 cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu T2 thành niên; Anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Các đương sự đều xác định không có nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này; Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị T và Anh T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

**1. Về thủ tục Tố tụng:**

Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn là chị Đàm Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh Lỗ Hữu Văn T1, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án. Tuy nhiên Anh T1 đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

**2. Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với Anh Lỗ Hữu Văn T1 vào ngày 01/3/2019, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã M, nay là xã V, huyện TT, tỉnh PT, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Chị T, Anh T1 đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn thực tế chung sống, Chị T đã về sinh sống với bố mẹ đẻ của chị tại Khu 12, xã Đ, huyện TT từ tháng 01 năm 2020 đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh T1.

Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm hai bên đã hết, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của Chị T, cho Chị T được ly hôn Anh T1 là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị T, Anh T1 có một con chung là cháu Lỗ Thanh T2, sinh ngày 14/01/2019, hiện đang ở cùng Chị T. Anh T1 đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2, không yêu cầu Chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T cũng đề nghị, khi ly hôn chị xin được nuôi cháu T2 và yêu cầu Anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hội đồng xét xử xét thấy cháu T2 còn nhỏ, mới 19 tháng tuổi, hiện nay đang ở với Chị T và Chị T có đủ điều kiện để nuôi con, được thể hiện qua các tài liệu Chị T đã cung cấp. Theo quy đinh tại khoản 3 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện…"*. Như vậy đề nghị được nuôi con của Chị T là chính đáng và phù hợp quy định của pháp luật, cần được chấp nhận, giao cho Chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T2 kể từ khi quan hệ hôn nhân chấp dứt đến khi cháu T2 thành niên. Anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị T mỗi tháng không quá ½ mức lương cơ sở là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng)/tháng, đến khi cháu T2 thành niên là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này là phù hợp.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, Anh T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh PT phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:Cho chị Đàm Thị T được ly hôn anh Lỗ Hữu Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Lỗ Thanh T2, sinh ngày 14/01/2019 cho Chị Đàm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi quan hệ hôn nhân giữa Chị T và Anh T1 chấm dứt cho đến khi cháu T2 thành niên.

Anh Lỗ Hữu Văn T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đàm Thị T mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), đến khi cháu T2 thành niên. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đàm Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000519 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh PT; Anh Lỗ Hữu Văn T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Hồng**